

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 154/2014/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2014

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà Đông Cao và phà Cồn Nhất, Quốc lộ 37B

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà Đông Cao và phà Cồn Nhất, quốc lộ 37B như sau:

Điều 1. Người nộp phí

Người nộp phí qua phà Đông Cao và phà Cồn Nhất, quốc lộ 37B là người điều khiển phương tiện giao thông thô sơ đường bộ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các loại xe tương tự.

Điều 2. Mức thu phí

Ban hành kèm theo Thông tư này Biểu mức thu phí qua phà Đông Cao và phà Cồn Nhất, quốc lộ 37B.

Điều 3. Miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí

1. Việc miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí qua phà Đông Cao và phà Cồn Nhất, quốc lộ 37B được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 110/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc đăng ký, kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí qua phà Đông Cao và phà Cồn Nhất, quốc

lộ 37B không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước, Thông tư số 110/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

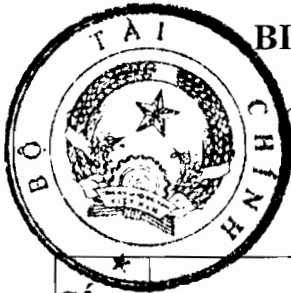
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 12 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, bổ sung. / *kom*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định, tỉnh Thái Bình;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5). 170





**BIỂU MỨC THU PHÍ QUA PHÀ ĐỒNG CAO VÀ
PHÀ CỒN NHẤT, QUỐC LỘ 37B**

Ban hành kèm theo Thông tư số 154/2014/TT-BTC
ngày 23/10/2014 của Bộ Tài chính)

| Số tt | Đối tượng thu | Đơn vị tính | Mức thu |
|-------|--|-------------------------|------------------|
| 1 | Xe mô tô hai bánh, xe gắn máy hai bánh và các loại xe tương tự: - Vé lượt - Vé tháng | đồng/lượt đồng/tháng | 5.000 100.000 |
| 2 | Xe thô sơ (trừ xe đạp, xe lăn dùng cho người khuyết tật) | đồng/lượt | 8.000 |
| 3 | Xe mô tô ba bánh, xe lôi, xe ba gác và các loại xe tương tự | đồng/lượt | 10.000 |
| 4 | Xe ô tô dưới 12 ghế ngồi, xe lam và các loại xe tương tự | đồng/lượt | 30.000 |
| 5 | Xe khách từ 12 ghế đến dưới 15 ghế ngồi | đồng/lượt | 40.000 |
| 6 | Xe khách từ 15 ghế đến dưới 30 ghế ngồi | đồng/lượt | 50.000 |
| 7 | Xe khách từ 30 ghế đến dưới 50 ghế ngồi | đồng/lượt | 65.000 |
| 8 | Xe khách từ 50 ghế ngồi trở lên | đồng/lượt | 75.000 |
| 9 | Xe chở hàng trọng tải dưới 3 tấn | đồng/lượt | 35.000 |
| 10 | Xe chở hàng trọng tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn | đồng/lượt | 55.000 |
| 11 | Xe chở hàng trọng tải từ 5 tấn đến dưới 10 tấn | đồng/lượt | 75.000 |
| 12 | Xe chở hàng trọng tải từ 10 tấn đến dưới 15 tấn | đồng/lượt | 90.000 |
| 13 | Xe chở hàng trọng tải từ 15 tấn đến dưới 18 tấn, xe chở hàng bằng container 20 feet | đồng/lượt | 100.000 |
| 14 | Xe chở hàng trọng tải từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng container 40 feet | đồng/lượt | 120.000 |
| 15 | Xe máy thi công | đồng/lượt | 70.000 |
| 16 | Thuê cả chuyến phà loại 15 tấn | đồng/chuyến | 150.000 |
| 17 | Thuê cả chuyến phà loại 30 tấn | đồng/chuyến | 200.000 |
| 18 | Thuê cả chuyến phà loại 60 tấn | đồng/chuyến | 250.000 |
| 19 | Thuê cả chuyến phà loại 100 tấn | đồng/chuyến | 300.000 |

Ghi chú: Mức thu phí nêu trên áp dụng riêng tại từng bến phà: phà Cồn Nhất, phà Đồng Cao.